TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn

2. Ông Phan Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số 79, tổ 03, ấp AT, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn B, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B do mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là do Chị H và anh B không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, Chị H và anh B cư trú tại nhà của cha mẹ anh B, địa

chỉ Ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, Chị H và anh B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi và xảy ra đánh nhau. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do anh B không lo làm việc kiếm thu nhập để lo cho gia đình, Chị H và anh B không có tình cảm với nhau do mai mối, cha mẹ chồng thì khó khăn. Đến tháng 8/2020 thì Chị H và anh B sống ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân, gia đình 02 bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị H và anh B; bản thân Chị H và anh B cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2020, hiện nay con chung đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H do mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do không đăng ký kết hôn là do anh B và chị H bận việc làm ăn nên không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh B và chị H chung sống đến khi chị H mang thai được khoảng 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn vì vào khoảng 30/10/2020 (âm lịch) là ngày đám giỗ bên nhà của chị H thì anh B có nói đùa là không cho chị H về nhà chị H để dự đám giỗ nên anh B và chị H phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 30/10/2020 (âm lịch) cho đến nay. Từ khi sống ly thân thì gia đình 02 bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh B và chị H; bản thân anh B và chị H cũng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2020, hiện nay con chung đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, anh B đồng ý để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh B không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Nguyễn Tấn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B là vợ chồng. Chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2020, anh Nguyễn Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn và được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Tấn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Tấn B có nơi cư trú tại Ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B, Chị H và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 tại Ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định Chị H và anh B đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh B, chị H không thực hiện nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B.

[2.2] Đối với con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B xác định Chị H và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2020, hiện nay con chung đang sống với chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có đủ cơ sở xác định Chị H và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2020 và đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh B và chị H thống nhất để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi

dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu K dưới 36 tháng tuổi và trong quá trình Cháu K sống cùng chị H thì Cháu K vẫn sinh sống, phát triển bình thường. Đồng thời, Cháu K sống với chị H từ nhỏ cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng. Để ổn định cuộc sống cho Cháu K, giúp Cháu K phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B về việc chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu K khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên anh Nguyễn Tấn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Tấn B là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2020, hiện nay con chung đang sống với chị Nguyễn Thị Kim H.

Anh Nguyễn Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Kim H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Tấn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0010049 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang